

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HSST

Ngày: 04-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Hữu Hải;

2. Ông **Đinh Văn Tân**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Quang Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Trong các ngày **29 tháng 8 và 04 tháng 9 năm 2024**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **73/2024/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 8 năm 2024** đối với các bị cáo:

1. Trương Văn S; Sinh năm: 1983; Tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Trương Đ và bà Võ Thị T; H và tên vợ: Tăng Thị Bé H1; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 06/4/2021, bị cáo S bị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xử phạt 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 06/02/2023 thì chấp hành xong. Chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Minh T1; Sinh năm: 1985; Tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT: ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở hiện nay: **Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**; Quốc tịch:

Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Nguyễn Văn T2 và bà Phạm Thị Kim A; H và tên vợ: Đào Thị Ngọc H2; Bị cáo có **01 người con sinh năm 2016**; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/4/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại **thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. (bị cáo có mặt).

3. Lê Xuân V; Sinh năm: 1982; Tại: tỉnh Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Lê Thanh V1 và bà Trần Thị H3. Họ và tên vợ: Trần Thị Thùy T3; Bị cáo có **04 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2018**. Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/4/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại ấp X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (bị cáo có mặt).

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn M;

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông S1, Da T4 – Chức danh: Chủ tịch công ty;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Ngọc H4, sinh năm 1978; địa chỉ: A Đ, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (Ông H4 vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (Bà L vắng mặt).

2. Ông Wang Yu J, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Ông Wang Yu J vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Nguyễn Mã P, sinh năm 1964; Thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu xài, Trương Văn S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn M thuộc khu phố K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (là nơi S đang làm việc). Khoảng 12 giờ ngày 05/02/2024, S điện thoại rủ Nguyễn Minh T1 và Lê Xuân V (làm cùng công ty) giúp S lấy trộm dây điện thì T1, V đồng ý. **Khi đến địa điểm trộm cắp** T1 điều khiển xe nâng để nâng

tám ba lết sợi che mặt camera trong kho, Vũ điều khiển xe nâng kẹp 02 cuộn bông để che camera ở lối thoát hiểm, còn S lấy xe nâng để nâng tám ba lết có cuộn dây đồng qua rào công ty nhằm mục đích lấy trộm số dây điện trên. Sau khi S vận chuyển xong số dây đồng của công ty ra hàng rào thì bảo vệ của công ty là anh Nguyễn Mã P đang đi tuần tra bên ngoài phát hiện. Anh P báo cáo lại sự việc cho ông Phạm Ngọc H4 (là quản lý nhân sự của công ty). Qua kiểm tra, ông H4 phát hiện, số tài sản bị trộm cắp là 01 cuộn dây điện màu đen, lõi bằng kim loại màu đồng đã bị cắt, phía ngoài có ghi thông số “CU/XLPE P1 240mm² x 3c” có trọng lượng 621kg, tổng chiều dài 66 mét.

Tại biên bản Kết luận định giá tài sản số 16/BB-HĐĐGTS ngày 08/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: “Tổng giá trị tài sản trộm cắp ngày 05/02/2024: 109.710.207 đồng”.

Đây là vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, do lỗi cố ý, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, các bị cáo Trương Văn S, Nguyễn Minh T1, Lê Xuân V đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh có số Imei: 35211549124004; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8, màu đen có số Imei 1: 359051097142145, số Imei 2: 359052097142143; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15S màu xanh đen, có số Imei 1: 866314052108618, số Imei 2: 866314052108600 được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức để quản lý, chờ xử lý.

- 01 cuộn dây điện màu đen, lõi bằng kim loại màu đồng đã bị cắt, phía ngoài có ghi thông số “CU/XLPE P1 240mm² x 3c” có trọng lượng 621kg, tổng chiều dài 66 mét, ngày 22/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 690/QĐ trả lại cho ông Phạm Ngọc H4 (đại diện công ty trách nhiệm hữu hạn M).

- 01 USB màu đen bên trong có chứa 04 đoạn video ghi lại hình ảnh của vụ án được lưu kèm hồ sơ.

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trương Văn S, Nguyễn Minh T1, Lê Xuân V đã bồi thường cho công ty trách nhiệm hữu hạn M 60.000.000 đồng. Đại diện công ty, ông Phạm Ngọc H4 đã có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức giữ nguyên quyết định truy tố Trương Văn S, Nguyễn Minh T1 và Lê Xuân V về tội “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật

Hình sự, xử phạt Trương Văn S từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Minh T1 và Lê Xuân V từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng, tính từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn S, Nguyễn Minh T1 và Lê Xuân V đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo Trương Văn S, Nguyễn Minh T1 và Lê Xuân V phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 12 giờ ngày 05/02/2024, tại công ty trách nhiệm hữu hạn M thuộc khu phố K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Trương Văn S, Nguyễn Minh T1, Lê Xuân V đã lén lút trộm cắp được 01 cuộn dây điện màu đen, lõi bằng kim loại màu đồng đã bị cắt, phía ngoài có ghi thông số “CU/XLPE P1 240mm² x 3c” có trọng lượng 621kg, tổng chiều dài 66 mét có tổng trị giá 109.710.207 đồng.

Vì vậy Cáo trạng số 80/CT-VKS ngày 16/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Trương Văn S, Nguyễn Minh T1 và Lê Xuân V về tội “trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Trương Văn S, Nguyễn Minh T1 và Lê Xuân V là công dân đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nhưng vì coi thường pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội nên các bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản được các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác đem bán lấy tiền để sử dụng cho bản thân là hành vi nguy

hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có bản án nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Căn cứ quyết định hình phạt: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với mỗi bị cáo để quyết định cho mỗi bị cáo một mức hình phạt phù hợp.

Xác định vai trò đồng phạm: Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc, chỉ huy, phục tùng, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm, mà các bị cáo phạm tội mang tính tự phát. Do đó không coi là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó S là người khởi xướng đồng thời cũng là người thực hành, còn T1 và V là người thực hành. Vì vậy, bị cáo S phải chịu mức hình phạt cao hơn hai bị cáo còn lại;

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S có 01 tiền án chưa được xoá án tích, lại tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T1 và bị cáo V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trương Văn S, Nguyễn Minh T1, Lê Xuân V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn phải nuôi cha, mẹ già yếu, bại liệt và con chưa thành niên có xác nhận của địa phương. Như vậy, cần áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] Hình phạt áp dụng: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38 và Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Trương Văn S, để áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo S, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định;

Đối với bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Lê Xuân V, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn phải nuôi cha, mẹ già yếu, bại liệt và con chưa thành niên. Vì vậy, việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng không ảnh hưởng đến việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm tại địa phương, nên quyết định áp dụng loại hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo T1 và bị cáo V, tạo điều kiện cho các bị cáo tự

cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, tiền bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét.

[7] Xử lý vật chứng:

- 01 cuộn dây điện màu đen, lõi bằng kim loại màu đồng đã bị cắt, phía ngoài có ghi thông số “CU/XLPE P1 240mm² x 3c” có trọng lượng 621kg, tổng chiều dài 66 mét, ngày 22/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn M là phù hợp;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh có số Imei: 3521154959124004; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8, màu đen có số Imei 1: 359051097142145, số Imei 2: 35905209142143; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15S màu xanh đen, có số Imei 1: 866314052108618, số Imei 2: 866314052108600 được các bị cáo sử dụng để liên lạc liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước (Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2024);

- 01 USB màu đen có chứa 04 đoạn video ghi lại hình ảnh của vụ án được lưu kèm hồ sơ, nhận thấy cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án USB nêu trên.

[8] Án phí: Bị cáo Trương Văn S, bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Lê Xuân V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn S, Nguyễn Minh T1 và Lê Xuân V phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trương Văn S 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 13-4-2024 (ngày mười ba, tháng tư, năm hai ngàn không trăm hai mươi bốn).

Tiếp tục tạm giam Trương Văn S để bảo đảm thi hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Lê Xuân V 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án

treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Lê Xuân V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh có số Imei: 3521154959124004; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J8, màu đen có số Imei 1: 359051097142145, số Imei 2: 35905209142143; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15S màu xanh đen, có số Imei 1: 866314052108618, số Imei 2: 866314052108600 (Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 8 năm 2024).

Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 USB màu đen bên trong có chứa 04 đoạn video ghi lại hình ảnh của vụ án.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trương Văn S, bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Lê Xuân V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/9/2024). Các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- PV06, PC10 Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Công an huyện Châu Đức;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu hồ sơ.

Trương Văn Tiến